

01 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay tranh cãi khi đó Chị sống chung với gia đình anh T, vì thường xuyên gây gổ nên Chị đã về nhà cha, mẹ ruột sinh sống. Nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, Chị và anh T không quan tâm lẫn nhau và đã sống ly thân hơn 01 năm, từ ngày Chị đi đến nay anh T cũng không kêu về để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, lâu lâu Anh cũng đến thăm con nhưng không chăm lo gì cho mẹ con Chị, từ khi làm đơn xin ly hôn đến nay Chị cũng không gặp anh T, Chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được nên Chị yêu cầu được ly hôn anh T. Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Trần Kỳ Tuyết A, sinh ngày 22/9/2013, nay con đang sống với Chị tại nhà cha mẹ ruột. Sau khi ly hôn Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung: có nhưng Anh, Chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Chị K xác định trong thời kỳ hôn nhân đến ly hôn không có. Tại phiên tòa chị K có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Tuấn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, anh Tuấn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh Tuấn vắng mặt đến lần thứ hai.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương K khởi kiện yêu cầu xin ly và yêu cầu nuôi con chung, anh Trần Minh T vắng mặt suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Chị K xin xét xử vắng mặt, anh T được Tòa án triệu tập họp lệ dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

Hiện nay, chị K và anh T không sống chung với nhau hơn 01 năm, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng Anh, Chị không yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Anh, Chị; con chung đủ 07 tuổi đã có ý kiến tại bản khai. Chị K xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân do Anh, Chị bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi với nhau nên đã sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo, Anh không chăm lo gì cho mẹ con Chị; anh T không có ý kiến gì phản đối vấn đề xin ly hôn và nuôi con chung của chị K. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị K và anh T tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định do đó, quan hệ hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi xảy ra mâu thuẫn chị K đã có thời gian sống ly thân và không còn tình cảm vợ chồng với anh T, quá trình giải quyết cũng như tại đơn xin vắng mặt Chị kiên quyết giữ quan điểm ly hôn. Xét thấy nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ Anh, Chị do vợ chồng thường xuyên gây gổ, không cùng ý kiến, trong thời gian Chị về nhà cha, mẹ ruột anh T cũng không tìm đến để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, hay chăm lo gì cho vợ, con. Nay Anh, Chị đã có cuộc sống riêng, chị K xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tuấn, mâu thuẫn hôn nhân không hàn gắn được. Từ đó, nhận thấy mâu thuẫn của Anh, Chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh T có một người con chung là Tuyết A, hiện nay con đang sống với Chị, sau khi ly hôn Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng của Tuyết A muốn chung sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng Chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Chị xác định không có.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, anh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương K và anh Trần Minh T.

1.2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Kỳ Tuyết A, sinh ngày 22/9/2013 cho chị Phương K trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trần Minh T không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 000177 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường 1, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 10 năm 2021;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng;

2. Ông Nguyễn Tùng Châu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 về “Tranh chấp Xin ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phương Khánh**, sinh năm 1989; địa chỉ: 3/7B Nguyễn Văn Bé, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh **Trần Minh Tuấn**, sinh năm 1984; địa chỉ: 59B khóm Mỹ Phú, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương Khánh và anh Trần Minh Tuấn.

1.2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Kỳ Tuyết Anh, sinh ngày 22/9/2013 cho chị Phương Khánh trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trần Minh Tuấn không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn anh Tuấn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì chị Khánh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương Khánh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 000177 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị Khánh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

Út tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân của bà Mười Hai và ông Út là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Mười Hai và ông Út phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đã gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn, nay Ông, Bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy, bà

Mười Hai và ông Út không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mười Hai yêu cầu ly hôn và được ông Út đồng ý